TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÓC SƠN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án
số:31/2024/DS-ST
Ngày:12/08/2024
Về việc:"Tranh chấp về thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Ngô Minh Cường.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Nguyễn Văn Vĩ
2. Ông Nguyễn Duy Tuyên

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải Hà - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Lê Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 08 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 179/2023/TLST- DS ngày 06 tháng 11 năm 2023 về việc "Tranh chấp về thừa kế"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 07 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; Nơi cư trú: Thôn T, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; 3.2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.3. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Thôn T, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.4. Bà Dương Thị D, sinh năm 1971; 3.5. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1989; 3.6. Chị Nguyễn Kim C, sinh năm 1993; 3.7. Cháu Nguyễn Thảo T, sinh ngày 15/01/2015; 3.8. Cháu Nguyễn Thảo N, sinh năm 2016; 3.9. Cháu Nguyễn Sơn T, sinh năm 2017; 3.10. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991; 3.11. Anh Đỗ Hoàng G, sinh năm 1988; 3.12. Cháu Đỗ Thành Đ, sinh năm 2014; 3.13. Cháu Đỗ Trung H, sinh năm 2017; 3.14. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1993; 3.15. Chị Hoàng Thị T, sinh năm 1997; 3.16. Cháu Nguyễn Xuân T, sinh năm 2017; 3.17. Cháu Nguyễn Minh K, sinh năm 2018.

Nơi cư trú: Thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

3.18. Văn phòng công chứng Nguyễn Liễu; Địa chỉ: Ô 54 Block 08 Khu đô thị phố Giao Lưu, phường Cổ Nhuế 2, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Dương L – Trưởng Văn phòng.

Anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Kim C là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thảo T, Nguyễn Thảo N và Nguyễn Sơn T; chị Nguyễn Thị T là người đại diện hợp pháp của cháu Đỗ Thành Đ và cháu Đỗ Trung H; anh Nguyễn Văn L và chị Hoàng Thị T là người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Xuân T và cháu Nguyễn Minh K.

Ông Nguyễn Văn B là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyên Văn L, chị Hoàng Thị T và chị Nguyễn Thị T.

Có mặt: Bà H, bà X và ông B.

Vắng mặt: Bà Đ, bà H, anh G, chị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn, bà Nguyễn Thị H trình bày: Bố bà H là cụ Nguyễn Văn H (sinh năm 1935, chết ngày 15/01/2013); mẹ bà là cụ Nguyễn Thị H (sinh năm 1941, chết ngày 27/04/2022). Cụ H và cụ H có 05 người con lần lượt là: 1. Bà Nguyễn Thị H), sinh năm 1962; 2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; 3. Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; 4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; 5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979.

Năm 1979, bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn K. Hiện nay cư trú tại thôn T, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Năm 1987, ông Nguyễn Văn B kết hôn với bà Dương Thị D. Sau khi kết hôn cụ H và cụ H đã cho vợ chồng ông B ăn ở riêng tại 01 gian buồng trong ngôi nhà 5 gian mà gia đình đang sinh sống.

Năm 1994, bà Nguyễn Thị X kết hôn với ông Nguyễn Văn Y. Hiện nay cư trú tại thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Năm 1998, bà Nguyễn Thị H kết hôn với ông Nguyễn Văn T. Hiện nay cư trú tại thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Năm 2003, bà Nguyễn Thị Đ kết hôn với ông Lê Văn N. Hiện nay cư trú tại thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Bốn chị em gái bà H sau khi kết hôn đã về gia đình nhà chồng sinh sống, còn ông Nguyễn Văn B và vợ con thì tiếp tục ở tại thửa đất cũ của gia đình. Tuy ở chung cùng thửa đất nhưng ông B không chăm sóc các cụ mà do bốn chị em bà H thay phiên nhau chăm sóc. Ông B và vợ con đã xây ngôi nhà khác và sống riêng, cụ H và cụ H tiếp tục sống trong ngôi nhà cũ của gia đình.

Trong thời kỳ hôn nhân, cụ H và cụ H đã có khối tài sản chung là thửa đất số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 542m^2, tại địa chỉ: thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BG 146926 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cấp cho cụ Nguyễn Thị H ngày 10/10/2011 và Quyền sử dụng đất tại Khu Đồng N và Khu Đồng R, thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội đã được cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất mang tên cụ Nguyễn Thị H (Giấy

chứng nhận quyền sử dụng của 02 thửa đất nông nghiệp này ông Nguyễn Văn B đang giữ). Tài sản trên đất gồm có 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái tôn và tài sản do gia đình ông Bắc xây dựng gồm 02 ngôi nhà (01 nhà 02 tầng xây năm 2017 và 01 nhà 03 tầng xây từ năm 2006 khoảng năm 2008 hoàn thành).

Cụ H chết không để lại di chúc. Ngày 14/5/2020, cụ H có lập di chúc để lại tài sản thừa kế cho bà H, bà Đ, bà H, bà X ½ diện tích đất ở là 542m^2.

Sau khi cụ H chết được khoảng 03 ngày, các bà về thắp hương cho mẹ thì bị vợ ông B đuổi. Sau đó ít hôm, các bà lại về thắp hương thì ông B đóng cửa không cho vào nhà. Nay, do không thực hiện được việc khai nhận di sản thừa kế, không thực hiện được việc thỏa thuận giữa các chị em trong gia đình với ông Nguyễn Văn B nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị H theo di chúc mà cụ H để lại là ½ diện tích 542m^2 cho bà H, bà X, bà Đ, bà H mỗi người 01 phần; Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn H theo quy định pháp luật; Không yêu cầu chia thừa kế đất nông nghiệp tại Khu Đồng N, Khu Đồng R, thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội.

Trên thửa đất hiện nay đang tranh chấp đang có những người sau đây sinh sống: Vợ chồng ông Nguyễn Văn B, bà Dương Thị D; vợ chồng anh Nguyễn Văn S, chị Nguyễn Kim C; vợ chồng chị Nguyễn Thị T, anh Đỗ Hoàng G; vợ chồng anh Nguyễn Văn L, chị Hoàng Thị T.

Ông B yêu cầu hủy di chúc do cụ H lập ngày 14/5/2020 bà H không đồng ý vì di chúc được lập theo đúng ý chí, nguyện vọng của mẹ bà để lại và lập theo đúng quy định của pháp luật.

* Bị đơn, ông Nguyễn Văn B trình bày: Ông B thống nhất với bà H về quan hệ huyết thống như đã trình bày ở trên.

Bà H, bà Đ, bà H và bà X sau khi kết hôn đã về gia đình chồng sinh sống, còn ông và vợ con thì tiếp tục ở tại thửa đất của các cụ để lại; năm 2006 cụ H và cụ H cho vợ chồng ông một phần đất của thửa đất. Vợ chồng ông đã xây dựng ngôi nhà 03 tầng và ăn, ở riêng tại ngôi nhà này cho đến nay.

Trong thời kỳ hôn nhân, cụ H và cụ H có tài sản chung là thửa đất diện tích 542m^2, tại thôn C, xã Thanh X. Sau khi cụ H chết, bà H không ở nhà chịu tang mẹ mà lại thường xuyên đi chùa, ông góp ý thì bà H không nghe nên hai bên lời qua tiếng lại sau đó hai bên xô sát.

Di chúc do bà H nộp có nội dung: Ngày 14/5/2020, cụ H có lập di chúc để lại tài sản thừa kế cho bà H, bà Đ, bà H, bà X ½ diện tích đất tại thửa đất số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 542m^2, tại địa chỉ: thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội là không thể hiện đúng ý chí nguyện vọng của cụ H vì cụ H không biết chữ. Vân tay trong di chúc không phải của cụ H; di chúc ghi Di Chúc lập tại thôn C, xã Thanh X trong khi ông thường xuyên ở nhà mà không biết.

Nay ông yêu cầu hủy di chúc lập ngày 14/5/2020 mà bà H đã giao nộp cho Tòa án. Nếu trường hợp di chúc được lập đúng theo quy định của pháp luật thì ông tôn trọng

nguyện vọng của mẹ phân chia di sản theo di chúc. Trường hợp di chúc không hợp pháp thì ông đề nghị phân chia di sản theo quy định của pháp luật.

Cụ H chết không để lại di chúc. Ông B đồng ý phân chia di sản thừa kế của cụ H để lại là ½ diện tích thửa đất 542m^2 theo quy định của pháp luật cho 05 chị em là bà H, bà H, bà X, bà Đ và ông.

Trên thửa đất hiện nay có vợ chồng ông, vợ chồng anh Nguyễn Văn S, vợ chồng chị Nguyễn Thị T, vợ chồng anh Nguyễn Văn L sinh sống. Tài sản trên đất của cụ H, cụ H để lại là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái tôn; tài sản do gia đình ông xây dựng gồm ngôi nhà 02 tầng xây năm 2017 và ngôi nhà 03 tầng xây từ năm 2006.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Nguyễn Thị X nhất trí với phần trình bày quan hệ huyết thống, khối di sản của bố mẹ bà để lại. Bà X đề nghị Tòa án giải quyết: Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị H theo di chúc mà cụ H để lại là: ½ thửa đất ở của các cụ để lại thành 04 phần bằng nhau cho bà H, bà X, bà Đ, bà H mỗi người 01 phần; Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H là ½ thửa đất của các cụ để lại theo quy định pháp luật.

3.2. Bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Phần di sản bà H được hưởng của bố mẹ bà tự nguyện để lại cho cháu là anh Nguyễn Văn S; tiền án phí và chi phí tố tụng khác nếu có từ việc được hưởng di sản của bà sẽ do anh S nộp.

3.3. Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Bà Đ đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H. Phần di sản bà Đ được hưởng bà tự nguyện để lại cho cháu là anh Nguyễn Văn L; tiền án phí và chi phí tố tụng khác nếu có từ việc được hưởng di sản của bà sẽ do anh L nộp.

3.4. Anh Nguyễn Văn L trình bày: Anh L là con trai của ông Nguyễn Văn B và bà Dương Thị D. Anh L sinh ra và lớn lên trên thửa đất diện tích 542m^2 ở thôn C, xã Thanh X. Bà H, bà Đ, bà H, bà X sau khi kết hôn đã về gia đình chồng sinh sống, còn bố mẹ anh thì tiếp tục ở trên đất. Tuy ở chung cùng thửa đất nhưng bố mẹ anh đã xây ngôi nhà khác và sống riêng, cụ H và cụ H tiếp tục sống trong ngôi nhà cũ của các cụ.

Ngày 27/04/2022 cụ H chết, sau khi cụ H chết qua ông B thì anh được biết trước khi chết, cụ H có lập di chúc để lại tài sản thừa kế cho các bà cô gồm: Bà H, bà Đ, bà H, bà X ½ diện tích đất tại thửa đất diện tích 542m^2. Cụ H chết không để lại di chúc.

Tài sản trên đất gồm: Cụ H, cụ H để lại là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái tôn. Vợ chồng anh xây dựng 01 nhà 02 tầng diện tích khoảng 280 m^2/2 tầng, tường gạch 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, có khu phụ xây năm 2017, sân bê tông làm năm 2017, 02 trụ cổng xây gạch làm năm 2017, bộ cánh cổng sắt làm năm 2023, tường bao xây gạch 110 phía bên phải và trái nhà, xây năm 2017. Nguồn tiền xây dựng các công trình này do hai vợ chồng anh tích kiệm mà có, không liên quan đến người nào khác. Hiện tài sản này do vợ chồng con cái anh quản lý sử dụng, thời điểm xây dựng các công trình này cụ H vẫn còn sống và đồng ý cho vợ chồng anh xây dựng.

01 ngôi nhà 03 tầng diện tích khoảng 270m^2/3 sàn do bố mẹ anh xây dựng từ năm 2007, khoảng năm 2008 hoàn thành. Tường gạch 220, tầng 1 có khu phụ, tầng 2 và tầng

3 không có khu phụ, mái bê tông cốt thép, bên trên cùng lợp mái tôn; tường xây gạch 110 bao quanh toàn bộ thửa đất, xây khoảng năm 2022, sân gạch đỏ làm năm 2007, khu lán tạm nền láng xi măng, mái lợp tôn để chăn nuôi gà. Cây cối: 02 Cây Mít đường kính gốc khoảng 10 cm, 01 cây Xoài đường kính gốc khoảng 40 cm, 02 cây Bưởi đường kính gốc khoảng 10 cm, 01 Cây Vú Sữa đường kính gốc khoảng 10 cm.

Anh đồng ý chia di sản của ông bà nội theo quy định pháp luật, tuy nhiên có tính đến công sức cho vợ chồng anh vì khi vợ chồng anh xây dựng các công trình trên cụ H và bố mẹ cũng như các bà cô đều chứng kiến và đồng ý. Bà Đ tự nguyện để lại phần di sản được hưởng của các cụ cho anh, anh đồng ý nhận và xin chịu số tiền án phí và chi phí tố tụng khác nếu có từ việc được hưởng phần di sản của bà Đ.

3.5. Anh Nguyễn Văn S trình bày: Tài sản trên đất gồm tài sản do cụ H, cụ H để lại là 01 ngôi nhà cấp 4, lợp mái tôn xây khoảng năm 1964 và năm 2021 sửa lại mái ngói xuống cấp thành mái tôn và chát lại tường; và tài sản khác gồm 02 ngôi nhà:

Tài sản do vợ chồng em L xây dựng: 01 nhà 02 tầng diện tích khoảng 280 m^2/2 tầng, tường gạch 220, mái bê tông cốt thép, nền lát gạch ceramic, có khu phụ xây năm 2017, sân bê tông làm năm 2017, 02 trụ cổng xây gạch làm năm 2017, bộ cánh cổng sắt làm năm 2023, tường bao xây gạch 110 phía bên phải và trái nhà, xây năm 2017.

01 ngôi nhà 03 tầng diện tích khoảng 270m^2/3 sàn do bố mẹ anh xây từ năm 2007 hiện nay vợ chồng anh và các con đang sống cùng bố mẹ và vợ chồng em T trên ngôi nhà 03 tầng này. Toàn bộ tài sản này đều do bố mẹ anh xây dựng.

Anh S đồng ý chia tòan bộ di sản của ông bà nội theo quy định pháp luật. Bà H tự nguyện để lại phần di sản bà H được hưởng của các cụ cho anh, anh đồng ý nhận và xin chịu số tiền án phí và chi phí tố tụng khác nếu có từ việc được hưởng phần di sản của bà H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân thủ tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa.

Về đường lối giải quyết vụ án:

- Chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và theo pháp luật của bà Nguyễn Thị H.
- Ghi nhận sự tự nguyện của bà Đ, bà H cho anh L và anh S phần di sản thừa kế của mình được hưởng.
- Giao cho bà H và bà X quản lý, sử dụng diện tích đất nơi có nhà cấp 4 cũ của cụ H và cụ H; Giao cho gia đình ông B sử dụng phần đất còn lại.
- Thanh toán chênh lệch tài sản bằng tiền.
- Không chấp nhận yêu cầu của ông B về việc hủy di chúc của cụ H.

Về án phí; Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngày 06/11/2023, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện đề ngày 09/02/2023 của bà Nguyễn Thị H theo quan hệ pháp luật "Tranh chấp về thừa kế tài sản" quy định tại Khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 14/06/2024, Tòa án tiếp tục thụ lý yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn B; cụ thể ông B yêu cầu hủy di chúc của cụ Nguyễn Thị H lập ngày 14/05/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Liễu, thành phố Hà Nội.

[2] Về nội dung:

2.1. Về quan hệ huyết thống: Cụ Nguyễn Văn H (sinh năm 1935, chết ngày 15/01/2013) có vợ là cụ Nguyễn Thị H (sinh năm 1941, chết ngày 27/04/2022). Lúc sinh thời, cụ H và cụ H có 05 người con lần lượt là: 1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1962; 2. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965; 3. Bà Nguyễn Thị , sinh năm 1976; 4. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977; 5. Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1979. Ngoài ra cụ H và cụ H không còn con nuôi hoặc con riêng nào khác.

2.2. Tài sản, di sản: Trong thời kỳ hôn nhân, cụ H và cụ H tạo lập được 01 ngôi nhà cấp 4 lợp ngói (sau này gia đình sửa chữa thành lợp mái tôn – các bên đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này) và thửa đất số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 542m^2, tại địa chỉ: thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BG 146926 do Ủy ban nhân dân huyện Sóc Sơn cấp cho cụ Nguyễn Thị H ngày 10/10/2011). Nguồn gốc tửa đất trên do cha ông cụ H để lại. Trên đất còn có các tài sản do gia đình ông B xây dựng sau này gồm nhà 03 tầng xây từ năm 2006 và nhà 02 tầng xây năm 2017.

Ngoài ra, gia đình cụ H và cụ H còn có đất sản xuất nông nghiệp tại Khu Đồng N và Khu Đồng R, thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên các bên đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.3. Về thời hiệu yêu cầu chia thừa kế tài sản: Cụ Nguyễn Văn H chết ngày 15/01/2013 không để lại di chúc; cụ Nguyễn Thị H chết ngày 27/04/2022 để lại di chúc lập ngày 14/05/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Liễu, thành phố Hà Nội. Nội dung di chúc để lại tài sản thừa kế cho bà H, bà Đ, bà H, bà X ½ diện tích đất ở 542m^2.

Theo Điều 623 Bộ luật Dân sự năm 2015 qui định về "Thời hiệu mở thừa kế" và Công văn số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao thì còn thời hiệu để các đương sự yêu cầu chia di sản thừa kế theo di chúc và pháp luật.

2.4. Xét các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H:

2.4.1. Đối với yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật di sản thừa kế của cụ Nguyễn Văn H thì thấy: Tài sản chung của cụ H và cụ H có thửa đất số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 638m^2 (đo thực tế) trị giá 9.570.000.000 đồng tọa lạc tại thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội. Thanh toán tài sản chung cụ H và cụ H, mỗi người ½ = 4.785.000.000 đồng.

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hàng thừa kế thứ nhất theo quy định của pháp luật được hưởng di sản thừa kế theo pháp luật của cụ H được xác định gồm 6 người là: Cụ Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Đ.

Cụ Nguyễn Văn H chết ngày 15/01/2013.

Mở thừa kế lần thứ nhất: Di sản của cụ H có 4.785.000.000 đồng. Trích công sức bảo quản di sản cho gia đình ông B = 585.000.000 đồng, di sản còn lại của cụ H = 4.200.000.000 đồng; Chia di sản thừa kế của cụ H cho 6 người ở hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người hưởng 1/6 = 700.000.000 đồng.

2.4.2. Đối với yêu cầu chia thừa kế theo di chúc của cụ Nguyễn Thị H lập ngày 14/05/2020 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Liễu, thành phố Hà Nội. Xét thấy: Về hình thức và nội dung của di chúc đều phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Nguyễn Thị H chết ngày 27/04/2022.

Mở thừa kế lần thứ hai: Di sản của cụ H có 4.785.000.000 đồng + 700.000.000 đồng (hưởng thừa kế của cụ H) = 5.485.000.000 đồng.

Trích công sức bảo quản di sản cho gia đình ông B = 485.000.000 đồng, di sản còn lại của cụ H = 5. 000.000.000 đồng; Chia di sản thừa kế của cụ H theo di chúc cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ, mỗi người hưởng 1/4 = 1.250.000.000 đồng.

[3] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H cho anh S hưởng di sản; bà Nguyễn Thị Đ cho anh L hưởng di sản. Ghi nhận sự tự nguyện của các bên tài sản nằm trên phần đất của ai được giao thì người đó tiếp tục sở hữu.

[4] Giao bằng hiện vật cho các bên theo thực tế đang sử dụng; chênh lệch tài sản, di sản thanh toán bằng tiền.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà H là người cao tuổi nên phải chịu án phí; các đương sự phải chịu án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật; Anh L và anh S phải chịu phần án phí có giá ngạch theo quy định của pháp luật đối với phần di sản của bà H và Đ cho.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 609, 611, 612,613, 618, 623, 624, 626, 627,628, 630, 631, 635, 674 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai; Khoản 1 Điều 26, Điều 48, Điều 147, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/06/2000 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật và chia thừa kế theo di chúc của bà Nguyễn Thị H.

2. Xác định cụ Nguyễn Văn H và cụ Nguyễn Thị H có tài sản chung là thửa đất số 117, tờ bản đồ số 02, diện tích 638m^2 (đo thực tế) trị giá 9.570.000.000 đồng tọa lạc tại thôn C, xã Thanh X, huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội (Giấy chứng nhận Quyền sử

dụng đất số BG 146926 do UBND huyện Sóc Sơn cấp cho cụ Nguyễn Thị H ngày 10/10/2011).

3. Xác định cụ Nguyễn Văn H chết ngày 15/01/2013; thanh toán tài sản chung cụ H và cụ H, mỗi người ½ = 4.785.000.000 đồng.

Mở thừa kế lần thứ nhất: Di sản của cụ H có 4.785.000.000 đồng; trích công sức bảo quản di sản cho gia đình ông B = 585.000.000 đồng, di sản còn lại của cụ H = 4.200.000.000 đồng; Chia di sản thừa kế của cụ H cho 6 người ở hàng thừa kế thứ nhất, mỗi người hưởng 1/6 = 700.000.000 đồng.

4. Xác định cụ Nguyễn Thị H chết ngày 27/04/2022.

Mở thừa kế lần thứ hai: Di sản của cụ H có 4.785.000.000 đồng + 700.000.000 đồng (hưởng thừa kế của cụ H) = 5.485.000.000 đồng; trích công sức bảo quản di sản cho gia đình ông B = 485.000.000 đồng.

Di sản còn lại của cụ H = 5. 000.000.000 đồng; chia di sản thừa kế của cụ H theo di chúc cho bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn B, bà Nguyễn Thị X, bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị Đ, mỗi người hưởng 1/4 = 1.250.000.000 đồng.

5. Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn B về việc hủy di chúc của cụ Nguyễn Thị H lập tại Văn phòng công chứng Nguyễn Liễu ngày 14/5/2020.

6. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị H cho anh S hưởng di sản; bà Nguyễn Thị Đ cho anh L hưởng di sản. Ghi nhận sự tự nguyện của các bên tài sản nằm trên phần đất của ai được giao thì người đó tiếp tục sở hữu.

Như vậy sau khi trích công sức, chia thừa kế theo pháp luật, chia thừa kế theo di chúc, các đương sự được hưởng tài sản, di sản như sau:

- Gia đình ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn S được hưởng 7.720.000.000 đồng;
- Gia đình anh Nguyễn Văn L được hưởng 1.950.000.000 đồng;
- Bà Nguyễn Thị H và bà Nguyễn Thị X, mỗi bà được hưởng 1.950.000.000 đồng.

7. Giao cụ thể bằng hiện vật cho các bên như sau:

7.1. Giao cho Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị X sử dụng 181 m2 đất, trị giá 2.715.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo). So với phần các bà được chia thì thiếu 1.185.000.000 đồng - Bà H và bà X nhận thanh toán chênh lệch di sản từ gia đình anh Nguyễn Văn L trả.

7.1. Giao cho gia đình ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn S sử dụng 248 m2 đất trị giá 3.720.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo).

7.2. Giao cho gia đình anh Nguyễn Văn L sử dụng 209 m2 đất, trị giá 3.135.000.000 đồng (có sơ đồ kèm theo). So với phần gia đình anh được bà Đ cho thì thừa 1.185.000.000 đồng - Gia đình anh Nguyễn Văn L thanh toán chênh lệch di sản cho bà H và bà X.

Các tài sản năm trên phần đất của ai được giao thì người đó có quyền sở hữu;

Các đương sự có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phù hợp với nội dung của quyết định bản án này.

8. Án phí Dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị X phải nộp 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); gia đình ông Nguyễn Văn B và anh Nguyễn Văn S phải nộp 106.000.000đ (một trăm lẻ sáu triệu đồng); gia đình anh Nguyễn Văn L phải nộp 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước.

9. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có mặt tại phiên tòa đều có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản tống đạt hợp lệ. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chỉ có quyền kháng cáo về phần có liên quan.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Minh Cường